

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04-07-2019

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bạ

2. Ông Hồ Tùng Mậu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1043/2018/HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ H – sinh năm 1991 (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T – sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 237 P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1]. Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện sống chung đến ngày 15/11/2013 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, nhiều lần tôi đã cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng không

thành.. Khoảng 02 năm nay ông T không quan tâm, chăm sóc đến vợ con, đi lái xe đường dài thi thoảng về thăm con và đưa tiền nuôi con xong lại đi ngay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo C – Sinh ngày 20/01/2011 và cháu Nguyễn Trần Bảo L – sinh ngày 18/10/2012. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2].ĐỐI VỚI BỊ ĐƠN ÔNG NGUYỄN HOÀNG T: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông T không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Mỹ H vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H và bị đơn ông Nguyễn Hoàng T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Hoàng T nhưng ông T không lên Tòa án làm việc mà chỉ có bà Trần Thị Mỹ H lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Hoàng T cũng như tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết: Quá trình chung sống vợ chồng giữa ông T và bà H có xảy ra mâu thuẫn, ông T làm lái xe đường dài thi thoảng về thăm con xong lại đi ngay.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ H và bị đơn ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại theo quy định của pháp luật vào ngày 15/11/2013 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thuận, thị xã Buôn

Hồ, tỉnh Đắk Lắk là hoàn toàn tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau, nặng lời xúc phạm đến nhau. Bà H, ông T đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành và tiếp tục mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Hoàng T sống chung có mâu thuẫn xảy ra nên cần chấp đơn ly hôn của bà Trần Thị Mỹ H và cho bà Trần Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

-Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Hoàng T có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo C – Sinh ngày 20/01/2011 và cháu Nguyễn Trần Bảo L – sinh ngày 18/10/2012. Khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành.

Xét nguyện vọng của bà H và nguyện vọng của cháu Nguyễn Trần Bảo C là khi bố mẹ ly hôn thì cháu được ở với mẹ. Đây là nguyện vọng chính đáng nên cần giao cháu Nguyễn Trần Bảo C – Sinh ngày 20/01/2011 và cháu Nguyễn Trần Bảo L – sinh ngày 18/10/2012 cho bà Trần Thị Mỹ H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu đến khi trưởng thành là phù hợp.

Do ông Nguyễn Hoàng T làm nghề lái xe đường dài việc giành thời gian chăm sóc con cái là không có do vậy không có điều kiện chăm sóc con chung. Do vậy không thể giao con chung cho ông T chăm sóc

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Mỹ H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Bảo C – Sinh ngày 20/01/2011 và cháu Nguyễn Trần Bảo L – sinh ngày 18/10/2012 cho bà Trần Thị Mỹ H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi thành niên(18 tuổi).

Ông Nguyễn Hoàng T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0011520 ngày 13/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột. Ông Nguyễn Hoàng T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND xã Bình Thuận, tx, Buôn Hồ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ

